

BÁO CÁO

Tình hình phát triển công nghiệp, thương mại tháng 01 năm 2024

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Tháng 01/2024, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tiếp tục đà tăng trưởng khá so cùng kỳ năm trước, ước tăng 8,66%. Trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng tăng 10,17%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tăng 8,47%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí ước tăng 8,73%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 10,06% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Bước sang đầu năm 2024, một số doanh nghiệp sản xuất bia, ván gỗ MDF, sắm lốp xe máy, phân bón NPK, đá xây dựng... sản xuất đã ổn định trở lại; một số dự án mới đi vào hoạt động làm tăng năng lực sản xuất, góp phần duy trì mức tăng trưởng chung của ngành công nghiệp... Một số sản phẩm chủ yếu tháng 01/2024 so với cùng kỳ năm trước tăng khá cao như: Tầm lợp proximăng tăng 250%; dầu nhựa thông tăng 110%; phân hóa học tăng 106,50%; ván ép tăng 81,57%; bia lon tăng 76,19%; lốp dùng cho xe máy, xe đạp tăng 48,13%; gạch khối bằng bê tông tăng 44,52%; nước hoa quả, tăng lực tăng 39,15%; xi măng tăng 26,02%; sắm dùng cho xe máy, xe đạp tăng 25,62%; thủy hải sản chế biến tăng 18,52%; điện thương phẩm tăng 16,67%... Một số sản phẩm duy trì mức tăng ổn định như: Đá xây dựng tăng 8,70%; nước máy tăng 7,88%; điện sản xuất tăng 6,55%; gỗ cửa hoặc xẻ tăng 0,39%... Một số sản phẩm giảm như: quần áo may sẵn giảm 1,37%; dăm gỗ giảm 5,15%; tinh bột sắn giảm 5,20%; gạch xây dựng giảm 11,86%...

2. Lĩnh vực thương mại và giá cả tiêu dùng

2.1. Lĩnh vực thương mại:

Tháng 01/2024, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ trên thị trường diễn ra khá sôi động, thị trường hàng hóa phong phú, đa dạng, giá cả cơ bản ổn định. Các trung tâm thương mại, siêu thị và các cơ sở kinh doanh chuẩn bị nguồn hàng hóa dồi dào, phong phú, đa dạng phục vụ tiêu dùng của người dân trong dịp Tết. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 01/2024 ước tính đạt 2.693,57 tỷ đồng, tăng 6,93% so với tháng trước và tăng 10,18% so với cùng kỳ năm trước¹.

¹ Trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 2.146,55 tỷ đồng, chiếm 79,69% tổng mức, tăng 6,79% so với tháng trước và tăng 9,41% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước tính

2.2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Tháng 01/2024, giáp với Tết Nguyên đán Giáp Thìn sức mua trên thị trường chưa cao, giá cả hàng hoá diễn biến bình thường. Giá lương thực tăng theo giá gạo xuất khẩu; giá cả các nhóm hàng phục vụ Tết Nguyên đán tăng, nhất là lương thực, thực phẩm; giá dịch vụ giao thông tăng do nhu cầu đi lại tăng... là nguyên nhân chính làm cho chỉ số giá tiêu dùng tháng 01/2024 tăng 0,65% so với tháng trước và tăng 2,05% so với cùng kỳ năm trước.

(Nguồn: Cục Thống kê Quảng Trị)

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRÊN LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

- Tham mưu đề xuất Tỉnh ủy các nội dung cam kết giữa Tập thể lãnh đạo và Giám đốc Sở với Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2024. Chuẩn bị nội dung và tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động năm 2023 và triển khai nhiệm vụ, kế hoạch ngành Công Thương năm 2024 và họp các Ban chỉ đạo do Sở làm cơ quan thương trực.

- Triển khai các hoạt động trước Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 lành mạnh, văn minh, an toàn, thiết thực. Thực hiện chế độ báo cáo tình hình trước trong và sau dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 theo yêu cầu UBND tỉnh. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính cơ quan Sở và đơn vị trực thuộc. Đơn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ của tỉnh.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 71/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025; Đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở thuộc ngành Công Thương năm 2024 đối với: “*Điều tra, đánh giá năng lực sản xuất của các doanh nghiệp Dệt May và Da Giày, xây dựng Đề án phát triển ngành Dệt May và Da Giày trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2024-2030, tầm nhìn đến năm 2035*”.

- Tham mưu UBND tỉnh đánh giá tiến độ thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án LNG Hải Lăng, giai đoạn 1 - 1.500MW, dự thảo Thỏa thuận chấm dứt Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trị của Nhà đầu tư EGAT. Đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo tập trung thực hiện quyết liệt, hiệu quả các giải pháp bảo đảm cung ứng điện năm 2024 và các năm tiếp theo.

- Tăng cường công tác quản lý vật liệu nổ công nghiệp, triển khai các giải pháp bảo đảm cung ứng xăng dầu cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và sử dụng hóa chất năm 2023, báo cáo công tác quản lý nhà nước về kinh doanh rượu, kinh doanh thuốc lá trên địa bàn tỉnh.

đạt 411,57 tỷ đồng, chiếm 15,28% tổng mức, tăng 7,84% so với tháng trước và tăng 18,82% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 135,45 tỷ đồng, chiếm 5,03% tổng mức, tăng 6,43% so với tháng trước và giảm 0,55% so với cùng kỳ năm trước. Du lịch lữ hành không phát sinh doanh thu.

- Tiếp tục phối hợp với ngành điện thực hiện công tác vận hành, cung ứng điện an toàn, liên tục bảo đảm nhu cầu sản xuất, sinh hoạt, an toàn phòng chống cháy nổ trên địa bàn trong và sau Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024. Tham gia Đoàn công tác liên ngành kiểm tra công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội Xuân năm 2024.

- Tham mưu thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo cân đối cung cầu, bình ổn thị trường cuối năm và dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024. Tổ chức kiểm tra, nắm tình hình công tác dự trữ hàng hóa bình ổn thị trường, nắm bắt tình hình thị trường tại các siêu thị, chợ, trung tâm thương mại. Tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại. Đề xuất nội dung triển khai thực hiện Quyết định số 55/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ; đăng ký kế hoạch tuyên truyền về FTA năm 2024.

- Ban hành kế hoạch kiểm tra chuyên ngành năm 2024, kế hoạch tiếp công dân năm 2024, kế hoạch thực hiện công tác pháp chế năm 2024, Kế hoạch thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2024; Kế hoạch phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Sở năm 2024.

- Hoàn thành công tác đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức và người lao động năm 2023 và đối với tập thể, cá nhân cán bộ thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Hoàn thành quy trình bổ nhiệm và bổ nhiệm lại chức danh trưởng, phó các phòng thuộc Sở Công Thương. Báo cáo CCVC bổ nhiệm, bổ nhiệm lại từ năm 2019 đến nay. Ban hành và triển khai công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023.

- Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024, triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024; đăng ký đề xuất nội dung cam kết đầy mạnh CCHC và nâng cao chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI năm 2024. Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác giải quyết thủ tục hành chính, cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Sở; báo cáo tình hình thực hiện một số nhiệm vụ Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tham mưu UBND tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, rà soát đề xuất mức thu phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính, báo cáo Tổng kết việc thực hiện pháp luật về dân chủ trực tiếp. Thực hiện đánh giá điều tra xã hội học xác định chỉ số CCHC và bổ sung tài liệu kiểm chứng đánh giá chỉ số CCHC năm 2024, báo cáo kết quả thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 02 NĂM 2024

- Ban hành và triển khai kế hoạch và triển khai thực hiện các nội dung cam kết giữa Tập thể lãnh đạo và Giám đốc Sở với Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2024; Chương trình công tác trọng tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ của tỉnh.

- Tiếp tục chuẩn bị nội dung và tổ chức Hội nghị cán bộ công chức, người lao động năm 2023 và họp các Ban chỉ đạo do Sở làm cơ quan thường trực (BCĐ

389, BCD bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, Ban HNQT về KT). Tập trung nắm tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, các dự án đầu tư, tham mưu các giải pháp hỗ trợ theo kế hoạch chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh (đối với chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp) năm 2024. Tham mưu xây dựng Quy chế quản lý kinh phí khuyến công. Xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương tỉnh Quảng Trị.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch công tác bảo vệ người tiêu dùng của tỉnh năm 2024. Tham mưu chỉ đạo công tác đấu tranh chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại; công tác đảm bảo cân đối cung cầu hàng hóa, bình ổn thị trường dịp trước, trong và sau dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024. Hỗ trợ đưa sản phẩm nông sản đặc trưng của tỉnh được đưa vào hệ thống siêu thị, chuỗi cửa hàng bán lẻ hiện đại, điểm trưng bày giới thiệu sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thành báo cáo giám sát chuyên đề "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018-2023" trên địa bàn tỉnh.

- Thẩm định và đề nghị Sở Nội vụ thẩm định, trình phê duyệt Đề án Điều chỉnh vị trí việc làm của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp; Tiếp tục xây dựng Bản mô tả công việc đối với VTVL của cơ quan Sở Công Thương.

- Xây dựng và triển khai thực hiện công tác pháp chế năm 2024 của Sở Công Thương. Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính; Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch nâng cao hiệu quả quản trị hành chính công năm 2024; Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Sở năm 2024. Thực hiện Chương trình hành động duy trì, củng cố chỉ số cải cách hành chính và chỉ số PAPI năm 2024. Báo cáo khắc phục các chỉ tiêu kết quả chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ; xác định chỉ số cải cách hành chính của Sở.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp, thương mại và công tác quản lý nhà nước của Sở Công Thương trong tháng 01 năm 2024; đề xuất một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 02 năm 2024; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

Nơi nhận:

- VP, Cục CTĐP, Vụ KH - BCT;
- UBND tỉnh (b/c);
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- PCT TT UBND tỉnh Hà Sỹ Đồng (b/c);
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Xuân Minh

SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 01/SCT

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 01 năm 2024

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 12/2023		Dự ước tháng 01/2024			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 01/2024 so với tháng 01/2023
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	246.96	111.79	235.58	95.39	108.66	108.66
1. Công nghiệp khai khoáng	93.24	123.14	95.51	102.44	110.17	110.17
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	208.79	105.52	193.28	92.57	108.47	108.47
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	551.39	123.44	548.31	99.44	108.73	108.73
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	130.59	113.06	128.73	98.58	110.06	110.06

(Nguồn: Cục Thống kê Quảng Trị)

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị

Biểu số 02/SCT-BCT

Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;

- Vụ Kế hoạch (BCT)

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI

Tháng 01 năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	1312	1346	1346	1230	1230	102.59%	109.46%	109.46%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	624.27	770	770	648	648	123.31%	118.74%	118.74%
3	Đá xây dựng	M3	38082.83	32962	32962	30325	30325	86.55%	108.70%	108.70%
4	Tinh bột sắn	Tấn	14553	11956	11956	12612	12612	82.15%	94.80%	94.80%
5	Bia lon	1000 lít	5106	4306	4306	2444	2444	84.32%	176.19%	176.19%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	1505	1500	1500	1078	1078	99.67%	139.15%	139.15%
7	Bộ com-lê, quần áo	1000 cái	2777.20	3058	3058	3101	3101	110.13%	98.63%	98.63%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	3240	3622	3622	3608	3608	111.79%	100.39%	100.39%
9	Dăm gỗ	Tấn	38621	35863	35863	37812	37812	92.86%	94.85%	94.85%
10	Ván ép	M3	16963	17200	17200	9473	9473	101.40%	181.57%	181.57%
11	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	496	510	510	500	500	102.82%	102.00%	102.00%

12	Phân hoá học (NPK)	Tấn	6543	4000	4000	1937	1937	61.13%	206.50%	206.50%
13	Lốp xe các loại	1000 cái	298	310	310	209	209	104.03%	148.13%	148.13%
14	Săm xe các loại	1000 cái	494	500	500	398	398	101.21%	125.62%	125.62%
15	Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gồm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 viên	8031	8126	8126	9219	9219	101.18%	88.14%	88.14%
16	Gạch và gạch khối xây dựng bằng xi măng, bê tông	1000 viên	5023	3390	3390	2345	2345	67.48%	144.52%	144.52%
17	Xi măng	Tấn	15430	14800	14800	11744	11744	95.92%	126.02%	126.02%
18	Tấm lợp pro xi măng	1000 m ²	172	140	140	40	40	81.40%	350.00%	350.00%
19	Điện sản xuất	Triệu KWh	326	351	351	329	329	107.39%	106.55%	106.55%
20	Điện thương phẩm	Triệu KWh	69	70	70	60	60	101.45%	116.67%	116.67%
21	Nước máy	1000 m ³	1342	1340	1340	1242	1242	99.86%	107.88%	107.88%
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	2518.96	2693.58	2693.58	2444.49	2444.49	106.9%	110.2%	110.2%
1	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	2010.03	2146.55	2146.55	1961.94	1961.94	106.8%	109.4%	109.4%
2	Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ		508.93	547.02	547.02	482.56	482.56	107.5%	113.4%	113.4%
2.1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	381.67	411.58	411.58	346.36	346.36	107.8%	118.8%	118.8%
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		381.67	411.58	411.58	346.36	346.36	107.8%	118.8%	118.8%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-
2.2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	127.26	135.45	135.45	136.19	136.19	106.4%	99.5%	99.5%

(Nguồn: Cục Thống kê Quảng Trị)